TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 175/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21 – 11 - 2025
Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 21 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 148/2025/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Dương Bảo T, sinh năm 2003; địa chỉ cư trú: Ấp NTA, xã CN, tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số 096303010679 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 05/10/2022. (có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Trần Chí L, sinh năm 2001; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã TAK, tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số 096201005079 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/6/2023. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Dương Bảo T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh L chung sống năm 2021, đến năm 2023 đăng ký kết hôn tại UBND xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (nay là xã Tạ An Khương, tỉnh Cà Mau), hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh L không quan tâm, lo lắng cho vợ con và không lo làm ăn dẫn đến cự cãi và ly thân từ tháng 12 năm 2024 cho đến nay. Chị yêu cầu ly hôn anh L.

Về con chung: Chị và anh L có một con chung là cháu Trần Bảo M, sinh ngày 05/4/2024, hiện tại đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, yêu cầu anh L cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định không có.

Đối với anh Trần Chí L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng đương sự vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Chí L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Linh là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị T, anh L chung sống vào năm 2023 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Theo chị T xác định nguyên nhân mâu thuẫn do anh L không quan tâm, lo lắng cho vợ con và không lo làm ăn. Anh L không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Chị T, anh L ly thân từ tháng 5 năm 2024 cho đến nay, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị T được ly hôn anh L.

[3] Về con chung: Cháu M chưa đủ 36 tháng tuổi và đang sống chung chị T vẫn phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu M cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng. Việc chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu My đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đ, đã nộp đủ. Án phí cấp dưỡng: Anh L phải chịu 300.000đ, chưa nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Dương Bảo T, cho chị Dương Bảo T được ly hôn anh Trần Chí L.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Bảo M, sinh ngày 05/4/2024 cho chị Dương Bảo T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trần Chí L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Buộc anh Trần Chí L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Trần Bảo M mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Dương Bảo T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000683 ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Án phí cấp dưỡng: Anh Trần Chí L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Quốc Trạng